

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển cơ sở hạ tầng Quảng Ngãi công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Phát triển cơ sở hạ tầng Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000054 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/04/2005 trên cơ sở Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Phát triển cơ sở hạ tầng Quảng Ngãi) theo Quyết định số 26/2005/QĐ-UB ngày 28/05/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lần gần nhất vào ngày 04/05/2012 với mã số doanh nghiệp 4300207940. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 7.391.300.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2014: 7.391.300.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Hoàng Hoa Thám, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- Điện thoại: (+84) 055 3822506- 3822082
- Fax: (+84) 055 3824996

Công ty có 1 đơn vị trực thuộc là:

- Xí nghiệp đá Bình Thanh

Ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng);
- Sản xuất đá xây dựng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 80 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 5 người.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Trần Xuân Thọ | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10/08/2013 |
| • Ông Trần Đăng Dung | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10/08/2013 |
| • Ông Huỳnh Quang Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/08/2013 |
| • Ông Trần Xuân Phúc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/08/2013 |
| • Ông Phan Hoàng Long | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/08/2013 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Phan Đình Thiên | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10/08/2013 |
| • Bà Phùng Thị Kim Hòa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/08/2013 |
| • Ông Võ Văn Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/08/2013 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Trần Xuân Thọ | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2013 |
| • Ông Tạ Ngọc Lâm | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2013 |
| • Ông Trần Đăng Dung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2013 |
| • Ông Trần Xuân Phúc | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2013 |
| • Ông Huỳnh Quang Huy | Kế toán trưởng | Tái bổ nhiệm ngày 15/08/2013 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFA (Trụ sở chính: 199 Lê Đình Lý, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.363.3333; Fax: (84) 0511.363.3338; Website: www.afac.com.vn; Email: info@afac.com.vn).

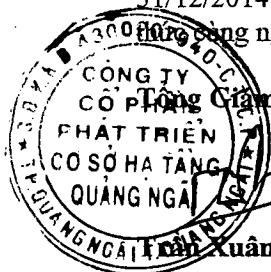
Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.



Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 04 năm 2015



Số: 36/2015/BCKT-AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Cơ sở Hạ tầng Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 17/04/2015 của Công ty Cổ phần Phát triển Cơ sở Hạ tầng Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2014, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Các thủ tục khác mà chúng tôi áp dụng chưa đủ cơ sở để chúng tôi trình bày ý kiến của mình về tính hiện hữu, tính đúng đắn số dư khoản mục này, số tiền 2.214.937.458 đồng cũng như sự ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên báo cáo tài chính.
2. Một số khoản nợ phải thu 26.620.910.488 đồng và nợ phải trả 11.067.879.615 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2014. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía

các bên liên quan. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính đúng đắn của các khoản nợ nêu trên cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác của báo cáo tài chính năm 2014.

3. Khoản cổ tức từ năm 2007 đến năm 2010 phải trả cho Công ty Tổng Công ty Đầu tư- Kinh doanh và Quản lý vốn Nhà nước, số tiền 1.304.780.913 đồng, được xác định theo Biên bản ngày 21/04/2012 của Sở Tài chính về “Xác định vốn Nhà nước thực tế tại thời điểm 31/3/2005 theo kết quả điều chỉnh giá trị doanh nghiệp và xác định lại cổ tức đối với phần vốn góp của Nhà nước sau khi được điều chỉnh”, Công ty phân phối vào năm 2014 là không phù hợp. Nếu ghi nhận đúng thì số liệu tại 31/12/2013 của khoản mục “Các khoản phải trả phải nộp khác” sẽ tăng 1.304.780.913 đồng và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm tương ứng là 1.304.780.913 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

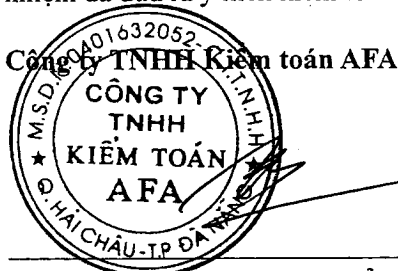
Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” thì Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề được trình bày tại mục 23.d của Thuyết minh báo cáo tài chính: lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2014 là 20.267.585.442 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 24.209.251.018 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Các báo cáo tài chính đính kèm không bao gồm bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo Kiểm toán số 15/ITO-ĐN ngày 16/04/2014 về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Phạm Quang Trung – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1334-2014-240-1

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Trần Dương Nghĩa – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1309-2014-240-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.567.529.184	37.180.509.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.667.363.159	1.865.000.094
1. Tiền	111	5	1.667.363.159	1.865.000.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.988.979.094	29.717.993.397
1. Phải thu khách hàng	131		12.235.543.795	19.309.096.637
2. Trả trước cho người bán	132		637.461.499	141.272.033
3. Các khoản phải thu khác	135	6	14.385.366.693	13.161.177.640
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(12.269.392.893)	(2.893.552.913)
IV. Hàng tồn kho	140		2.124.937.458	4.985.835.248
1. Hàng tồn kho	141	8	2.124.937.458	4.985.835.248
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		786.249.473	611.680.778
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	-	42.576.151
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	786.249.473	569.104.627
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.709.591.398	19.177.749.511
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.991.493.158	18.328.529.324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.838.900.770	15.261.163.299
- Nguyên giá	222		36.369.816.886	38.470.712.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.530.916.116)	(23.209.548.941)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.633.750.000	2.633.750.000
- Nguyên giá	228		2.633.750.000	2.633.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	518.842.388	433.616.025
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		120.000.000	501.832.170
1. Đầu tư dài hạn khác	258	14	276.832.170	501.832.170
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(156.832.170)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		598.098.240	347.388.017
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	242.731.240	347.388.017
2. Tài sản dài hạn khác	268	16	355.367.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.277.120.582	56.358.259.028

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		46.425.416.980	49.236.603.225
I. Nợ ngắn hạn	310		43.776.780.202	43.967.766.861
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	22.607.740.730	24.242.000.015
2. Phải trả người bán	312		11.067.879.615	11.890.754.065
3. Người mua trả tiền trước	313		634.051.000	2.723.977.195
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	3.124.495.692	1.813.064.631
5. Phải trả người lao động	315		1.503.916.688	1.270.710.231
6. Chi phí phải trả	316	19	36.171.386	45.469.889
7. Phải trả nội bộ	317		-	122.252.116
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	4.802.525.091	1.981.585.432
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	(122.046.713)
II. Nợ dài hạn	330		2.648.636.778	5.268.836.364
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	2.190.454.960	4.155.200.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	22	458.181.818	1.113.636.364
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(11.148.296.398)	7.121.655.803
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	(11.148.296.398)	7.121.655.803
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	7.391.300.000	7.391.300.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	1.470.251.398	1.470.251.398
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	257.737.646	257.737.646
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	(20.267.585.442)	(1.997.633.241)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.277.120.582	56.358.259.028

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

+ USD

31/12/2014

477,35

31/12/2013

490,07



Hồng Giám đốc

Phan Xuân Thọ

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Quang Huy

Người lập biểu

Phan Đình Thiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	24	27.349.570.191	64.446.099.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	126.140.000	16.420.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	24	27.223.430.191	64.429.678.757
4. Giá vốn hàng bán	11	25	28.302.747.782	57.041.696.300
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>(1.079.317.591)</u>	<u>7.387.982.457</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	64.801.549	86.377.356
7. Chi phí tài chính	22	27	2.686.870.042	3.294.220.210
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.686.870.042	3.294.220.210
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.135.567.954	8.786.336.118
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(15.836.954.038)</u>	<u>(4.606.196.515)</u>
11. Thu nhập khác	31	28	531.552.054	1.769.469.051
12. Chi phí khác	32	29	1.659.769.304	1.598.738.180
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(1.128.217.250)</u>	<u>170.730.871</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	<u>(16.965.171.288)</u>	<u>(4.435.465.644)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30	<u>(16.965.171.288)</u>	<u>(4.435.465.644)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(229.529)	(60.009)



Tổng Giám đốc

Trần Xuân Thọ

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Quang Huy

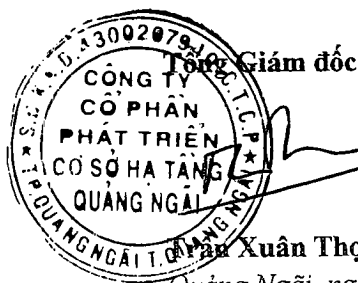
Người lập biểu

Phan Đình Thiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(16.965.171.288)	(4.435.465.644)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	3.280.599.165	3.444.701.395
- Các khoản dự phòng	03	9.532.672.150	2.857.194.399
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(140.479)	(141.058)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(397.543.160)	(407.245.618)
- Chi phí lãi vay	06	2.686.870.042	3.294.220.210
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.862.713.570)	4.753.263.684
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.264.556.190	16.546.010.909
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.860.897.790	2.010.894.617
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(652.823.143)	(13.474.727.859)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	147.232.928	670.123.792
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.696.168.545)	(3.294.220.210)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.714.263)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(361.847.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.695.420.387	7.211.344.933
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(58.400.000)	(8.011.281.943)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	474.545.454	1.745.454.545
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	225.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.661.070	17.250.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	705.806.524	(6.248.577.398)
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.421.504.161	40.678.153.420
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(25.020.508.486)	(42.191.050.641)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.599.004.325)	(1.512.897.221)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(197.777.414)	(550.129.686)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.865.000.094	2.414.988.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	140.479	141.058
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.667.363.159	1.865.000.094



Phan Xuân Thọ

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Quang Huy

Người lập biểu

Phan Đình Thiên